ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3788 /QĐ-UBND	*Quảng Ninh, ngày 27 tháng 11 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Người ký: Văn phòng Ủy ban Nhân dân
Email: vpubnd@quangninh.gov.vn
Cơ quan: Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh
Thời gian ký: 30.11.2015 17:34:31

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 30/2009/QH12; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và các văn bản hướng dẫn; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11/8/2010 của Bộ Xây dựng Quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị; Thông tư số 19/2008/TT-BXD ngày 20/11/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày ngày 14/3/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ "V/v phê duyệt điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050"; Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ "V/v phê duyệt chương trình phát triển đô thị Quốc gia giai đoạn 2012 - 2020";

Căn cứ Quyết định số 2622/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1626/QĐ-TTg ngày 18/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn ngoài năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 28/7/2014 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 3276/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh "V/v Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Hải Hà đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030";

Căn cứ Quyết định số 1779/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh "V/v phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và ngoài 2050";

Xét đề nghị của Uỷ ban nhân dân Huyện Hải Hà tại Tờ trình số 108/TTr-UBND ngày 30/9/2015; Giám đốc Sở Xây dựng tại tờ trình số 490/TTr-SXD ngày 23/11/2015;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi ranh giới, diện tích và thời hạn quy hoạch:

1.1. Phạm vi ranh giới:

Toàn bộ địa giới hành chính của huyện Hải Hà bao gồm: Khu vực nằm trong khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái (bao gồm các xã: Quảng Điền, Quảng Phong, Phú Hải, Quảng Thắng, Quảng Thành, Quảng Minh, Quảng Trung, Cái Chiên và thị trấn Quảng Hà); khu kinh tế cửa khẩu Bắc Phong Sinh (xã Quảng Đức) và 06 xã của huyện Hải Hà (gồm các xã: Quảng Chính, Quảng Long, Đường Hoa, Tiến Tới, Quảng Sơn, Quảng Thịnh). Ranh giới lập quy hoạch được xác định như sau:

- Phía Đông giáp thành phố Móng Cái và vịnh Bắc Bộ;
- Phía Tây giáp huyện Bình Liêu và Đầm Hà;
- Phía Nam giáp vịnh Bắc Bộ;
- Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Tây - Trung Quốc.

1.2. Quy mô diện tích: Toàn bộ diện tích tự nhiên huyện Hải Hà là 69.013 ha. Trong đó, diện tích đất liền là 51.393,17 ha

1.3. Thời hạn quy hoạch: Ngắn hạn đến năm 2020; dài hạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

2. Vị trí, tính chất vùng huyện Hải Hà:

- Là vùng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, tập trung vào các lĩnh vực công nghiệp then chốt gắn với thế mạnh về kinh tế biển, trung tâm chế biến nông, lâm, thủy sản phục vụ xuất khẩu theo hướng xây dựng thương hiệu, nâng cao hàm lượng khoa học công nghệ trong sản phẩm và tiêu thụ sản phẩm.

- Là khu vực kết hợp với thành phố Móng Cái xây dựng khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái hình thành một khu đô thị lớn Hải Hà - Móng Cái; đồng thời xây dựng phát triển khu kinh tế cửa khẩu Bắc Phong Sinh; bảo đảm huyện Hải Hà trong tương lai phát triển thành trung tâm công nghiệp cảng biển, hậu cần cảng biển, là trung tâm tài chính, thương mại, dịch vụ biên giới và trung tâm hội chợ

quốc tế; giữ vai trò là cửa ngõ hợp tác quan trọng giữa Việt Nam với Đông Bắc Á và Đông Nam Á...

- Là vùng có vị trí quan trọng về kinh tế, chính trị, an ninh quốc phòng phía Đông Bắc Việt Nam. Phát triển khu công nghiệp - cảng biển Hải Hà, khu kinh tế cửa khẩu Bắc Phong Sinh để hỗ trợ gắn kết với các khu vực Móng Cái, Đầm Hà, Bình Liêu để phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo an ninh quốc phòng.

3. Các chỉ tiêu dự báo phát triển vùng đến năm 2020, 2030 :

3.1. Các chỉ tiêu kinh tế xã hội:

Theo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Hải Hà đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (được phê duyệt tại Quyết định số 3276/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

3.2. Quy mô dân số:

- Đến năm 2020: Dân số khoảng 100.000 người (trong đó, dân số đô thị khoảng 50.000 ÷ 55.000 người); dân số nông thôn khoảng 45.000 ÷ 50.000 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 50 ÷ 55 %.

- Đến năm 2030: Dân số khoảng 125.000 người. Trong đó, dân số đô thị khoảng 80.000 ÷ 90.000 người; dân số nông thôn khoảng 35.000 ÷ 45.000 người. Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 64 ÷ 72%.

3.3. Dự báo nhu cầu, cơ cấu sử dụng đất:

- Đất ở đô thị: Đến năm 2020 khoảng 400 ÷ 450 ha; đến năm 2030 khoảng 1.150 ÷ 1.200 ha; Đất ở nông thôn: Đến năm 2020 khoảng 400 ÷ 410 ha; đến 2030 khoảng 420 ÷ 450 ha.

- Đất khu, cụm công nghiệp: Đến năm 2020 khoảng 3.400 ha; đến năm 2030 khoảng 5.170 ÷ 5.250 ha.

- Đất cơ sở sản xuất kinh doanh, thương mại, dịch vụ: Đến năm 2020 khoảng 1.400 ÷ 1.450 ha; đến 2030 là 1.800 ÷ 1.900 ha.

- Đất sản xuất nông, lâm, nghiệp: Đến năm 2020 khoảng 38.500 ÷ 40.000 ha; đến năm 2030 khoảng 33.500 ÷ 40.000 ha. Mặt nước chuyên dùng khoảng 1.900 ÷ 2.000 ha.

- Cơ cấu sử dụng đất :

Stt	Danh mục sử dụng	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Đất nông nghiệp	39.345,76	57,01	38.446,44	55,71
1	Đất trồng lúa	2.615,54		2.015,24	3,92
2	Đất trồng cây lâu năm	1.028,00		1.028,00	2,00
3	Đất lâm nghiệp	33.214,23		33.094,23	64,39
4	Đất nuôi trồng thuỷ sản tập trung	2.303,00		2.252,30	4,38
6	Đất nông nghiệp khác còn lại	597,54		56,67	0,11
II	Đất phi nông nghiệp	17.817,16	25,82	18.677,59	27,06
1	Đất đô thị	1.570,00		1.630,20	3,17
	Trong đó: Đất ở	176		753,55	1,47

2	Đất khu dân cư nông thôn	930,46		570,10	1,11
	Trong đó: Đất ở	421,73		408,60	0,80
3	Đất công nghiệp, sản xuất, kinh doanh				
	Đất khu công nghiệp	3.733,00		5.110,00	9.94
	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	876,7		1.018,01	1,98
	Đất sản xuất vật liệu xây dựng gốm sứ	140,38		140,38	0,27
	Đất cho hoạt động khoáng sản	220,44		229,44	0,45
4	Đất cơ quan, công trình sự nghiệp	44,42		49,83	0,10
5	Đất quốc phòng – an ninh				
	Đất quốc phòng	336,2		336,20	0,65
	Đất an ninh	1,84		1,84	0,00
6	Đất di tích danh thắng, tôn giáo tín ngưỡng				
	Đất di tích danh thắng,	1		1,00	0,00
	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	2,02		2,02	0,00
7	Đất khu du lịch	3.276,00		3.356,00	6,53
8	Đất hạ tầng kỹ thuật				
	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	124,9		134,90	0,26
	Đất để xử lý, chôn lấp chất thải nguy hại	282,21		319,21	0,62
	Đất phát triển hạ tầng	1.551,81		1.702,77	3,31
9	Đất có mặt nước chuyên dùng	1.995,87		1.995,87	3,88
10	Các loại đất phi nông nghiệp khác	2.685,49		2.079,82	4,05
III	Đất dự trữ phát triển, mặt nước	11.850,08	17,17	11.788,97	17,10
	Tổng diện tích	51.393,17	100,0	51.393,17	100,0

3.4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật :

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong quy hoạch đảm bảo đáp ứng các quy định theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam 01:2008/BXD; đảm bảo khu vực đô thị Hải Hà đạt các tiêu chuẩn là đô thị loại III vào năm 2030, các khu dân cư nông thôn đáp ứng các tiêu chí về nông thôn mới.

4. Mô hình, định hướng phát triển không gian:

4.1. Định hướng phát triển tổng thể không gian vùng:

- Phát triển gắn với 02 vành đai xuyên suốt từ Tây sang Đông là (1) Vành đai phát triển Công nghiệp - Đô thị và (2) Vành đai cảnh quan và du lịch biển.

- Bảo tồn khu vực rừng phía Bắc huyện (gồm khu vực rừng phòng hộ, rừng sản xuất) đặc biệt là các khu vực đầu nguồn sông suối, gắn kết với phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng tại các khu vực có cảnh quan đặc sắc

- Phát triển Đô thị Quảng Hà là trung tâm gắn kết các vùng phát triển, các khu chức năng quan trọng như khu công nghiệp - cảng biển Hải Hà, khu vực cửa khẩu Bắc Phong Sinh, Khu du lịch hồ Trúc Bài Sơn...

- Bảo tồn hệ sinh thái ngập mặn ven biển, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường khu vực ven biển, gắn kết với phát triển sản xuất nuôi trồng thủy sản, du lịch sinh thái biển.

- Phát triển xã đảo Cái Chiên, bảo tồn và phát huy cảnh quan thiên nhiên phong phú để phát triển du lịch, tạo ra các khu vực hấp dẫn với du khách có nhiều hình thức du lịch trải nghiệm khác nhau, gắn kết phát triển với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

4.2. Phân vùng phát triển:

Vùng huyện Hải Hà phân thành 03 khu vực phát triển như sau:

(1) Vùng I - Vùng Trung tâm phát triển kinh tế động lực:

- Là vùng nằm trong không gian Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái; diện tích khoảng 35.287,70 ha, gồm thị trấn Quảng Hà và các xã Quảng Thắng, Quảng Thành, Quảng Minh, Phú Hải, Quảng Trung, Quảng Điền, Quảng Phong, Cái Chiên

- Phát triển theo các định hướng đã xác định trong Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; gồm các khu chức năng chính sau:

+ Khu công nghiệp - cảng biển Hải Hà: Khu vực phát triển năng động và bền vững, là tổ hợp khu công nghiệp - cảng biển - dịch vụ;

+ Khu vực thị trấn Quảng Hà hiện hữu nâng cấp, cải tạo;

+ Các khu vực Quảng Minh - Quảng Thắng, Quảng Trung - Phú Hải, Quảng Điền, Quảng Phong và Quảng Thành: hình thành các khu đô thị hỗ trợ, dịch vụ thương mại, du lịch sinh thái biển.

+ Khu vực xã đảo Cái Chiên: Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, liên kết với các khu du lịch khác trong vùng, đảm bảo gìn giữ và phát huy giá trị thiên nhiên.

(2) Vùng II - Khu kinh tế cửa khẩu Bắc Phong Sinh:

- Là vùng khu kinh tế cửa khẩu Bắc Phong Sinh, diện tích 9.404,79 ha.

- Định hướng phát triển mới khu đô thị dịch vụ thương mại gắn với phát triển cửa khẩu Bắc Phong Sinh; cải tạo nâng cấp trung tâm xã Quảng Đức gắn với phát triển tiểu thủ công nghiệp, logistic...

(3) Vùng III - Vùng nông nghiệp phía Tây, Bắc :

- Là vùng phát triển nông thôn mới gắn với phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp đem lại giá trị kinh tế cao, bền vững ; gồm các xã Quảng Sơn, Quảng Chính, Quảng Thịnh, Tiến Tới, Đường Hoa, Quảng Long; diện tích khoảng 33.726 ha.

5. Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực chủ yếu:

5.1. Phân bố không gian phát triển công nghiệp:

- Phát triển khu công nghiệp - cảng biển Hải Hà là khu công nghiệp bao gồm nhiều loại hình công nghiệp như công nghiệp dệt may, công nghiệp phụ trợ, trung tâm vận tải logistic, cảng nước sâu.... Diện tích xây dựng đến năm 2030 là 1.750ha. sẽ tiếp tục phát triển diện tích đất công nghiệp đến 4.988ha bao gồm cả phần đất dự trữ (nếu phát triển thuận lợi).

- Dự kiến quy hoạch cụm công nghiệp Quảng Đức: Quy mô khoảng 40 ha; chế biến nông, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng, phát triển các ngành phụ trợ,

hậu cần cho hoạt động tại cửa khẩu Bắc Phong Sinh; hình thành xây dựng giai đoạn sau 2020.

5.2. Thương mại, dịch vụ :

- Trung tâm cấp vùng: Phát triển, nâng cấp trung tâm thương mại tại Quảng Hà, trung tâm thương mại mậu dịch biên giới Bắc Phong Sinh; xây dựng mới các trung tâm thương mại dịch vụ phục vụ, gắn với phát triển khu công nghiệp – cảng biển Hải hà.

- Trung tâm cấp đô thị: Cải tạo, nâng cấp và xây mới mạng lưới các trung tâm thương mại, dịch vụ, siêu thị, chợ các xã, thị trấn; phát triển hệ thống trung tâm thương mại, dịch vụ tập trung mới tại khu vực Quảng Hà, Quảng Minh, Quảng Trung, Quảng Thắng.

- Trung tâm cấp xã: Cải tạo và nâng cấp mạng lưới chợ truyền thống, đầu mở rộng các khu vực thu mua nông sản; hình thành mạng lưới trung tâm thương mại, dịch vụ tổng hợp tại Quảng Long, Đường Hoa, Quảng Điền, Bắc Phong Sinh, Cái Chiên...; xây dựng cửa hàng kiêm kho tại các xã miền núi Quảng Đức, Quảng Sơn để phục vụ đời sống đồng bào dân tộc.

5.3. Phân bố không gian phát triển du lịch và bảo vệ cảnh quan môi trường:

Đẩy mạnh du lịch trên cơ sở khai thác bền vững giá trị về tài nguyên thiên nhiên rừng - biển - đảo, phát triển các không gian du lịch sau: Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng hồ Trúc Bài Sơn; các khu, điểm du lịch gắn với các khu đô thị ven biển liên kết với các khu du lịch tại Móng Cái, Đầm Hà, Tiên Yên; khu du lịch sinh thái đảo Cái Chiên.

Tập trung đầu tư cải tạo các cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch, nhất là hệ thống khách sạn, nhà hàng, phương tiện vận tải đủ điều kiện phục vụ du khách trong và ngoài nước.

5.4. Các khu sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp :

Xây dựng các vùng chuyên canh theo định hướng sản xuất các sản phẩm sạch, an toàn đối với các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, đảm bảo phát huy tiềm năng, thế mạnh của huyện Hải Hà; bảo tồn và phát huy giá trị khu vực rừng phòng hộ phía Tây Bắc, phục hồi hệ sinh thái rừng ngập mặn; phát triển các vùng sản xuất chính:

- Vùng trồng trọt: Vùng trồng lúa chất lượng (Quảng Điền, Quảng Thành, Quảng Chính, Đường Hoa, Quảng Long, Quảng Phong, Quảng Thịnh), vùng trồng ngô thâm canh (Quảng Điền, Quảng Chính, Quảng Phong, Quảng Minh), vùng trồng rau an toàn (Quảng Chính, Quảng Minh, Quảng Trung), vùng trồng mía thâm canh (Quảng Chính), vùng trồng chè (Quảng Đức, Quảng Thịnh, Quảng Sơn, Quảng Long, Quảng Phong), vùng trồng cây ăn quả (Quảng Đức, Quảng Thành, Quảng Sơn, Đường Hoa, Quảng Phong).

- Vùng chăn nuôi: Vùng chăn nuôi bò chất lượng cao (Quảng Sơn) ; vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung (Quảng Đức, Quảng Thịnh, Quảng Sơn, Đường Hoa, Quảng Chính, Quảng Long, Quảng Điền, Quảng Phong, Quảng Minh, Quảng Thắng, Quảng Thành, Cái Chiên.

- Vùng lâm nghiệp : Vùng trồng cây nguyên liệu gỗ (Đường Hoa, Quảng Sơn, Quảng Đức, Quảng Phong, Quảng Thành); Vùng trồng cây lâm sản ngoài gỗ (Quảng Thịnh, Quảng Sơn, Quảng Đức).

- Vùng nuôi trồng thủy sản: Vùng nuôi tôm (Đường Hoa, Tiến Tới, Quảng Phong, Quảng Minh, Quảng Thắng, Quảng Thành), vùng nuôi nhuyễn thể (Quảng Minh), vùng nuôi Sá Sùng (Quảng Minh), vùng nuôi lồng bè (Cái Chiên) ; Vùng nuôi thủy sản nước ngọt (Đường Hoa, Quảng Điền, Quảng Minh, Quảng Thắng, Quảng Thành).

6. Định hướng phát triển các đô thị và điểm dân cư nông thôn :

6.1. Định hướng phát triển các đô thị :

- Thị trấn Quảng Hà hiện hữu nâng cấp, cải tạo, chỉnh trang đáp ứng các tiêu chuẩn, lộ trình nâng loại đô thị: Diện tích khoảng 220 - 260 ha ; dân số tới năm tới năm 2030 khoảng 14.000 - 16.000 người; là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế huyện Hải Hà, đầu mối giao lưu phát triển quan trọng của khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái với các khu vực khác trong vùng.

- Thị trấn Bắc Phong Sinh: Phát triển khu vực cửa khẩu Bắc Phong Sinh tối thiểu đáp ứng các tiêu chuẩn đô thị loại V; diện tích khoảng 400 - 500 ha; dân số tới năm 2030 từ khoảng 3000 - 4.000 người; là khu đô thị, dịch vụ cửa khẩu với đầy đủ các khu dân cư, dịch vụ thương mại, dịch vụ kho vận và các khu công viên cây xanh, cảnh quan thiên nhiên.

- Khu dân cư đô thị Quảng Minh - Quảng Thắng: Diện tích khoảng 1300 - 1400ha; dân số tới năm 2030 từ 29.000 - 31.000 người ; là khu đô thị sinh thái - dịch vụ thương mại, du lịch sinh thái biển.

- Khu dân cư đô thị Quảng Trung - Phú Hải: Diện tích khoảng 260 - 280 ha ; dân số tới năm 2030 khoảng 7.500 - 8.000 người ; là khu đô thị - dịch vụ tài chính ngân hàng - du lịch sinh thái biển.

- Khu dân cư đô thị Quảng Phong - Quảng Điền: Diện tích xây dựng khoảng 800 - 900 ha; dân số tới năm 2030 khoảng 31.000 - 33.000 người ; là khu đô thị, dịch vụ hỗ trợ hoạt động khu công nghiệp - cảng biển Hải Hà

- Khu dân cư đô thị Quảng Thành: Diện tích khoảng 650 – 700ha; dân số tới năm 2030 từ 13.000-14.000 người; là đô thị du lịch dịch vụ trong rừng, phục vụ dịch vụ du lịch.

- Khu dân cư đô thị - du lịch Cái Chiên: Dân số khoảng 600 - 1.000 người; là khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng chất lượng cao.

6.2. Định hướng phát triển điểm dân cư nông thôn :

- Cải thiện, hoàn thiện hệ thống cung cấp nước sạch hoặc hợp vệ sinh, thoát nước thải, thu gom rác thải đảm bảo các yêu cầu vệ sinh, môi trường sống tại khu vực nông thôn.

- Phát triển hạ tầng nông thôn như các tuyến đường nông thôn, cấp điện nông thôn nhằm thúc đẩy sản xuất nông thôn phát triển, nâng cao năng lực sản xuất nông nghiệp, khả năng lưu thông hàng hóa nông nghiệp...

- Bảo tồn và phát huy các giá trị các công trình di tích lịch sử, văn hóa, kiến trúc, cảnh quan truyền thống cũng như các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc trên địa bàn huyện.

- Đối với những khu vực nông thôn ổn định lâu dài (Quảng Sơn, Đường Hoa, Tiến Tới) sẽ phát triển theo mô hình nông thôn mới; những khu vực nông thôn có khả năng đô thị hóa cao (Quảng Long, Quảng Chính, Quảng Thành) sẽ phát triển hợp lý trên cơ sở phù hợp với lộ trình và các yêu cầu đô thị hóa.

- Phát triển trung tâm xã Quảng Đức gắn với phát triển của Khu kinh tế cửa khẩu Bắc Phong Sinh; trung tâm xã Quảng Sơn gắn với phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng hồ trên núi ; trung tâm xã Quảng Long, Quảng Thịnh, Quảng Chính gắn với phát triển các khu sinh thái, hỗ trợ cho thị trấn Quảng Hà; Trung tâm xã Đường Hoa, xã Tiến Tới gắn với phát triển du lịch sinh thái vùng ngập mặn.

7. Định hướng phát triển cơ sở hạ tầng xã hội :

7.1. Hệ thống công trình y tế :

- Xây dựng hoàn thiện mạng lưới y tế cấp cơ sở theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

- Mở rộng, cải tạo và nâng cấp khu vực bệnh viện huyện với quy mô xây dựng 150 giường bệnh; xây dựng mới 1 bệnh viện qui mô khoảng 500 giường, tại khu vực Quảng Hà; quy hoạch trạm xá tại khu mở rộng Quảng Minh; xây dựng phòng khám đa khoa tại các xã Quảng Đức, Quảng Sơn.

7.2. Hệ thống công trình giáo dục đào tạo :

- Đầu tư cơ sở vật chất đảm bảo đạt chuẩn về giáo dục gồm xây mới và nâng cấp các điểm trường, phòng học, phòng học chức năng, công trình phụ trợ, đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác dạy và học.

- Nâng cấp Trung tâm hướng nghiệp và giáo dục thường xuyên, xây dựng mới 01 trường cao đẳng nghề và trường THPT nghề nghiệp mới cho đào tạo nghề phục vụ cho khu công nghiệp - cảng biển Hải Hà.

7.3. Hệ thống công trình văn hóa, thể dục thể thao :

- Hoàn chỉnh hệ thống các công trình văn hóa, thể dục thể thao theo tầng bậc ở các đô thị và các điểm dân cư nông thôn tại huyện Hải Hà.

- Nâng cấp, cải tạo trung tâm văn hóa thể thao huyện Hải Hà hiện hữu. Xây dựng mới sân vận động kết hợp với khu vui chơi thiếu nhi và công viên hồ cảnh quan tại Khu đô thị Quảng Minh.

8. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật :

8.1. Định hướng phát triển giao thông :

- Phát triển mạng lưới giao thông đường thủy: Xây dựng cảng tổng hợp Hải Hà, cảng nước sâu đa năng tại đảo Cái Chiên để đáp ứng nhu cầu phát triển khu công nghiệp – cảng biển Hải Hà nói riêng và khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái nói chung; xây dựng các bến thủy nội địa khu vực sông Hà Cối, các bến tàu khách tại đảo Cái Chiên và các đảo khác theo yêu cầu phát triển..

- Phát triển mạng lưới giao thông đường sắt: Xây dựng tuyến đường sắt Hạ Long – Móng Cái; kết nối từ tuyến đường sắt Hạ Long – Móng Cái với cảng biển Hải Hà và hệ thống các công trình ga đường sắt.

- Phát triển mạng lưới giao thông ường bộ :

+ Giao thông đối ngoại: Xây dựng tuyến cao tốc Hạ Long - Móng Cái và tuyến đường ven biển Móng Cái và khu công nghiệp - cảng biển Hải Hà; cải tạo, nâng cấp và duy tu các tuyến Quốc lộ 18, Tỉnh lộ 341, Quốc lộ 18B.

+ Giao thông đô thị: Triển khai xây dựng các tuyến đường trục, các tuyến vành đai như đường bao, đường nối các khu đô thị theo quy hoạch; hoàn thiện tuyến đường nối từ Quốc lộ 18 với khu công nghiệp - cảng biển Hải Hà; xây dựng tuyến hỗ trợ Quốc lộ 18 đoạn đi qua đô thị.

+ Đường giao thông nông thôn: Xây dựng mới và nâng cấp giao thông nông thôn đáp ứng các yêu cầu phát triển, các tiêu chí nông thôn mới.

+ Các công trình đầu mối giao thông: Nâng cấp bến xe Hải Hà; xây dựng bến xe khách tại cửa khẩu Bắc Phong Sinh và bến xe khách gần nút giao giữa cao tốc Hạ Long - Móng Cái và Quốc lộ 18; xây dựng cầu biên giới Bắc Phong Sinh đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế cửa khẩu.

8.2. Chuẩn bị kỹ thuật :

- Định hướng san nền:

+ Yêu cầu chung: Phù hợp với tổ chức hệ thống thoát nước mưa hiện có; tận dụng đến mức cao nhất địa hình tự nhiên, giữ được hệ thống cây xanh hiện có, hạn chế khối lượng đào đắp và hạn chế chiều cao đất đắp.

+ Cao độ san nền được tính toán cho từng khu vực, trong đó có dự báo, ứng phó với biến đổi khí hậu do nước biển dâng.

- Định hướng thoát nước:

+ Yêu cầu: Hệ thống thoát nước mưa phải bảo đảm thoát nước mưa trên toàn lưu vực dự kiến quy hoạch ra các hồ, sông, suối hoặc trục tiêu thủy lợi....; hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn và tự chảy.

+ Các khu quy hoạch được phân lưu vực và phân lưu vực tiêu thoát nước chính trên cơ sở định hướng san nền để tổ chức thoát nước mưa vào hệ thống thoát nước mưa, hệ thống tiêu thuỷ lợi hiện có và thoát ra các trục sông suối, kênh mương chính của khu vực.

- Các công trình kỹ thuật khác: Bảo vệ, cải tạo thường xuyên các tuyến mương, cống thoát nước; nạo vét định kỳ và xây dựng kè bờ, đê các đoạn ven biển sông, suối, hồ trong khu vực, xây tường chắn tại các khu vực có nguy cơ sạt lở.

8.3. Cấp nước :

- Nguồn nước :

+ Cấp nước đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch: Sử dụng nguồn nước mặt hồ Tràng Vinh (Móng Cái), hồ Trúc Bài Sơn, các sông Tài Chi, Hà Cối.

+ Cấp nước nông thôn: Giai đoạn đầu sử dụng nguồn nước mặt và nước ngầm khu vực, xử lý đạt tiêu chuẩn để cấp nước sinh hoạt và sản xuất.

- Phân vùng cấp nước: Dựa vào điều kiện tự nhiên, định hướng quy hoạch phân thành các vùng cấp nước chính:

+ Vùng I: Các xã Quảng Sơn, Đường Hoa, Tiến Tới; nguồn nước hồ Trúc Bài Sơn và sông Đường Hoa.

+ Vùng II: Các xã Quảng Đức, Quảng Thành; nguồn nước suối Văn Tốc, sông Thoa Mới và sông Tài Chi.

+ Vùng IIIa: Khu công nghiệp cảng biển Hải Hà, thị trấn Quảng Hà và các xã Quảng Thắng, Quảng Minh, Quảng Trung, Quảng Phong, Quảng Điền, Quảng Long, Quảng Thịnh, Quảng Chính; nguồn nước các hồ Tràng Vinh (Móng Cái), hồ Trúc Bài Sơn, hồ Tài Chi, sông Hà Cối.

+ Vùng IIIb: Xã đảo Cái Chiên thuộc khu D - Khu vực du lịch biển đảo phía Nam; nguồn nước mặt và nước ngầm trên đảo.

- Xây dựng các nhà máy xử lý nước : Quảng Sơn (công suất vào năm 2020 là 420m3/ngày đêm, năm 2030 là 1.000 m3/ngày đêm), Tiến Tới (công suất vào năm 2020 là 1.000 m3/ngày đêm, năm 2030 là 2.000 m3/ngày đêm), Văn Tốc (công suất vào năm 2020 là 600 m3/ngày đêm, năm 2030 là 1.000 m3/ngày đêm), Cống Mần Thìn (công suất vào năm 2020 là 320 m3/ngày đêm, năm 2030 là 600 m3/ngày đêm), Quảng Thành (công suất vào năm 2020 là 500 m3/ngày đêm, năm 2030 là 1.000 m3/ngày đêm), Quảng Chính (công suất năm 2020 là 3.000 m3/ngàyđêm, năm 2030 là 6.000 m3/ngàyđêm), Quảng Minh (công suất vào năm 2020 là 15.000 m3/ngàyđêm, năm 2030 là 40.000 m3/ngàyđêm), Khu công nghiệp Hải Hà 1, Khu công nghiệp Hải Hà 2, Trạm cấp nước Cái Chiên (công suất vào năm 2020 là 500 m3/ngàyđêm và năm 2030 là 1.000 m3/ngàyđêm).

- Mạng nước, ống nước: Bố trí dạng vòng, cụt kết hợp ; các tuyến ống chuyển tải và phân phối chính khu đô thị đường kính Φ450mm-Φ160mm; các tuyến ống chuyển tải và phân phối chính khu công nghiệp cảng biển Hải Hà đường kính Φ800mm-Φ160mm; các tuyến phân phối các khu vực trung tâm xã đường kính Φ150 mm-Φ110mm.

8.4. Cấp điện :

Tổng nhu cầu dùng điện đến năm 2020 là 1080 MW, đến năm 2030 là 1120 MW.

- Sử dụng nguồn điện 220KV Cẩm Phả - Hải Hà, 110KV Mông Dương - Hải Hà; giai đoạn sau sử dụng nguồn điện từ NMNĐ Miền Bắc (2000MW)

- Nguồn 220KV: Xây dựng mới 2 trạm 220KV bao gồm: Trạm 220/110KV khu công nghiệp Hải Hà công suất năm 2020 là 1x1.000MVA, năm 2030 là 1x1.000MVA đồng bộ với nhà máy nhiệt điện cấp điện cho khu công nghiệp Hải Hà, trạm 220KV khu vực Hải Hà công suất năm 2020 là 2x250MVA, năm 2030 là 3x250MVA.

- Nguồn 110KV: Nâng cấp trạm Xây dựng trạm 110KV thị trấn Quảng Hà công suất năm 2020 là 1x25MVA, năm 2030 là 2x25MVA, xây dựng mới 5 trạm 110KV bao gồm: (1) trạm 110KV Hải Hà công suất năm 2020 là 1x40MVA, năm 2030 là 2x40MVA, (2) trạm 110KV Hải Hà 2 công suất năm 2020 là 1x63MVA, năm 2030 là 2x63MVA, (3) trạm 110KV Hải Hà công suất năm 2020 là

2x63MVA, năm 2030 là 3x63MVA, (4) trạm 110KV Hải Hà công suất năm 2020 là 2x63MVA, năm 2030 là 3x63MVA, (5) trạm 110KV Hải Hà công suất năm 2020 là 2x63MVA, năm 2030 là 3x63MVA.

- Lưới điện được thiết kế đảm bảo các tiêu chuẩn và có tính toán dự phòng cho phát triển ở giai đoạn sau.

8.5. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang :

a) Định hướng thoát nước thải :

- Hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải, đảm bảo xử lý tổng lượng nước thải: Đến 2020 là 82.000 m3/ng.đ; đến 2030 là 137.000 m3/ng.đ.

- Các đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch quy hoạch hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn, có các trạm xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn và được kiểm soát chặt chẽ. Các trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn quy hoạch hệ thống thoát nước chung; nước thải được xử lý cục bộ trước khi thoát vào hệ thống thoát nước chung.

b) Định hướng quản lý chất thải rắn:

- Chất thải rắn trong vùng (gồm: Chất thải rắn khu vực đô thị, nông thôn; chất thải rắn công nghiệp; chất thải rắn y tế ...) được phân loại triệt để tại nguồn theo đúng tính chất; thu gom vận chuyển tới khu xử lý chất thải rắn đã có và các khu xử lý quy hoạch mới để xử lý.

- Xây dựng khu xử lý chất thải rắn tại khu vực xã Quảng Thành, quy mô đất xây dựng 30 ha; các khu vực nông thôn xây dựng các bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh theo quy hoạch nông thôn mới hoặc sử dụng các lò đốt rác.

c) Quản lý nghĩa trang:

- Đối với các nghĩa trang hiện có đảm bảo khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường từng bước cải tạo, mở rộng diện tích, xây dựng hoàn thiện hạ tầng theo các quy định hiện hành về chỉ tiêu đất nghĩa trang, vệ sinh môi trường.

- Quy hoạch mới các nghĩa trang tập trung theo định hướng công viên nghĩa trang tại xã Quảng Thành và xã Quảng Phong.

- Đối với các nghĩa trang hiện hữu tại khu vực tại vùng I và vùng II hạn chế việc mở rộng để tiến tới sử dụng chung với nghĩa trang huyện tại xã Quảng Thành và xã Quảng Phong. Đối với các xã vùng III, ngoài nhu cầu sử dụng nghĩa trang cấp vùng, tiếp tục sử dụng các nghĩa trang hiện hữu nâng cấp, cải tạo do khoảng cách đi lại, phong tục tập quán của người dân địa phương.

9. Quy hoạch hệ thống vị trí đất quân sự và quốc phòng an ninh :

- Cập nhật quy hoạch hệ thống các cảng, bến, các tuyến đường trên các đảo; hệ thống các khu vực phòng thủ, trận địa, điểm cao, kho quân sự, trung tâm huấn luyện...đảm bảo công tác an ninh quốc phòng; quy hoạch xây dựng các công trình xung quanh khu vực đất an ninh quốc phòng đảm bảo không ảnh hưởng đến thế trận phòng thủ, nhất là các điểm địa hình có điểm cao tự nhiên.

- Xây dựng các khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật như bến cảng, khu vực neo đậu tàu thuyền, các đường giao thông... để phát triển kinh tế, phòng chống

thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và có khả năng sẵn sàng phục vụ nhu cầu quốc phòng khi cần thiết.

- Dọc đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc, hoàn thiện, nâng cấp, mở rộng hệ thống đường tuần biên (tỉnh lộ 341, tương lai sẽ nối thông sang Lạng Sơn thành Quốc lộ) để đảm bảo an ninh quốc phòng, và phát triển kinh tế biên giới; nghiên cứu tuyến đường Đồng Văn - Khe Tiên - Dào Long Tú - Quảng Sơn - Quảng Đức dự bị, hỗ trợ cho tuyến đường tuần biên.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội tại khu vực tiểu vùng khu kinh tế cửa khẩu với Trung Quốc để phát triển kinh tế và gắn việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, kinh tế với hoạt động đối ngoại; phát triển khu công nghiệp - cảng biển Hải Hà để góp phần đảm bảo ổn định kinh tế vùng biên, hỗ trợ biên giới; nối thông các cửa khẩu biên giới để chia sẻ phát triển lưu thông hàng hóa cũng như giải quyết vấn đề an ninh quốc phòng.

10. Các dự án ưu tiên đầu tư:

- Các dự án phát triển đô thị khu vực Quảng Hà, Quảng Minh, Quảng Thắng...; các dự án phát triển các công trình hạ tầng xã hội Trung tâm văn hóa thể dục thể thao huyện Hải Hà, bệnh viện đa khoa, trung tâm y tế;

- Các dự án phát triển công trình thương mại, dịch vụ du lịch, xây dựng bến bãi, kho tàng, logistic... khu kinh tế cửa khẩu Bắc Phong Sinh; các dự án phát triển dịch vụ, du lịch, nghỉ dưỡng đảo Cái Chiên, hồ Trúc Bài Sơn.

- Các dự án phát triển giao thông: Nâng cấp đường biên giới Bắc Phong Sinh - Hoành Mô (Tỉnh lộ 341); hoàn thiện trục đường chính nối Quốc lộ 18 với Khu công nghiệp cảng biển Hải Hà.

- Các dự án bảo vệ, phục hồi rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng ngập mặn ven, phòng tránh xói lở, hạn chế xâm nhập mặn vùng ven biển; tăng cường năng lực thoát lũ của hệ thống thoát nước đô thị, kiên cố hóa kênh mương thủy lợi chính; nạo vét bồi lắng vùng cửa sông Hà Cối, sông Tài Chi.

- Các dự án công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật: Nâng cấp Nhà máy nước Hải Hà; xây mới các nhà máy nước tại hồ Tài Chi, tại xã Tiến Tới, trạm cấp nước Cái Chiên ; xây dựng các trạm xử lý nước thải ; xây dựng nghĩa trang liên vùng tại xã Quảng Thành, Quảng Phong.

11. Giải pháp quản lý và bảo vệ môi trường:

Thực hiện các giải pháp bảo vệ thiên nhiên, các di sản văn hóa - lịch sử phục vụ cho phát triển du lịch dịch vụ; xử lý hiện trạng ô nhiễm môi trường; đảm bảo an toàn cho nguồn cấp nước sinh hoạt, tưới tiêu, bảo vệ môi trường đất, môi trường không khí; bảo vệ quỹ rừng, các hệ sinh thái đặc trưng.

Giám sát, xử lý các vi phạm gây ô nhiễm; đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường đối với từng dự án; tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ thích hợp trong các hoạt động bảo vệ môi trường.

Xây dựng quy chế quản lý bảo vệ môi trường và có biện pháp kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm môi trường đối với các vùng bảo tồn, hạn chế phát triển; vùng

dân cư đô thị và khu du lịch; vùng rừng phòng hộ, vành đai xanh, hành lang xanh và hệ thống cây xanh công cộng; vùng nông thôn ...

Việc quyết định địa điểm và triển khai các dự án nhạy cảm về môi trường (khu xử lý rác, nghĩa địa, khu xử lý nước thải, các khu chăn nuôi tập trung ...) sẽ được xem xét cụ thể trên cơ sở định hướng quy hoạch vùng và phải đảm bảo các yêu cầu về khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường theo quy định.

Điều 2: Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện Hải Hà:

- Công bố, công khai quy hoạch được phê duyệt; quản lý giám sát việc thực hiện quy hoạch xây dựng theo quy định; xây dựng và ban hành quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc thị trấn Quảng Hà;

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật; tổ chức rà soát việc lập, điều chỉnh, phê duyệt các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị, để cụ thể hóa điều Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hải Hà, làm cơ sở triển khai các dự án đầu tư.

- Phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng liên quan đề xuất các giải pháp quản lý triển khai thực hiện quy hoạch; lập kế hoạch đầu tư xây dựng, huy động vốn đầu tư để thực hiện các công trình hạ tầng kỹ thuật, các công trình điểm nhấn và quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch được phê duyệt.

2. Sở Xây dựng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng; phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Hải Hà và Ban Quản lý Khu kinh tế quản lý quy hoạch xây dựng khu vực đô thị, các khu vực trọng điểm theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Giao thông Vận tải ... và các ngành khác có liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật; thực hiện nhiệm vụ được phân công có trách nhiệm hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi để Ủy ban nhân dân Huyện Hải Hà triển khai thực hiện cụ thể hóa Quy hoạch xây dựng vùng huyện được duyệt.

Điều 3. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND huyện Hải Hà; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế; Thủ trưởng các ngành và đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND Tỉnh (B/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 2 (thực hiện);
- Các Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các chuyên viên TH;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, QH2.

5bản-QĐ86.11

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Long